

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ NGÀNH: 8340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 520/QĐ-NTT ngày 14 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Master of Business Administration

+ Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Các chuyên ngành

+ Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh

+ Liên ngành: Quản lý công

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khóa học áp dụng: 2020

Thời gian đào tạo: 24 tháng

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Master of Business Administration

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Quản trị kinh doanh

+ Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc Lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 (Ext: 429)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh

Theo thông tư 15/2014/ TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục về ban hành quy chế đào tạo Thạc sĩ. Người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh phải có các điều kiện sau đây:

Về văn bằng:

Những đối tượng tuyển sinh gồm có: Ngành đúng, còn ngành phù hợp và ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Quản trị kinh doanh xác định và đề xuất.

Về thâm niên công tác:

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành gần thì được dự thi ngay.
- Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 02 năm công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

Các điều kiện khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/05/2014 về Quy chế đào tạo thạc sĩ.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với chuyên ngành:

- Nhóm 1: Ngành đúng, ngành phù hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị thương mại; Quản trị kinh doanh quốc tế; Quản trị kinh doanh du lịch; Quản trị du lịch – khách sạn; Quản trị doanh nghiệp; Quản trị Marketing.
- Nhóm 2: Ngành gần, có bằng tốt nghiệp đại học ngành: chuyên ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành Luật kinh tế.
- Nhóm 3: Ngành khác, có bằng tốt nghiệp ngành không thuộc hai nhóm ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần ở trên.

Nhà trường sẽ căn cứ vào các học phần trong bảng điểm của người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh để yêu cầu người học đó bổ sung các môn học cần thiết khác.

Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
1	073956	Marketing căn bản	02
2	073957	Quản trị nguồn nhân lực	02
3	073958	Quản trị bán hàng	02
4	073960	Kinh tế vi mô	02

Những đối tượng tuyển sinh gồm có: Ngành đúng, còn ngành phù hợp và ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Quản trị kinh doanh xác định và đề xuất.

Về thâm niên công tác:

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên, không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự thi ngay.
- Những người có Bằng tốt nghiệp đại học dưới loại Khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

Các điều kiện khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo thông tư số 15/ 2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/05/2014 về Quy chế đào tạo thạc sĩ.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với chuyên ngành:

- Nhóm 1: Ngành đúng, ngành phù hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị thương mại; Quản trị kinh doanh quốc tế; Quản trị kinh doanh du lịch; Quản trị du lịch – khách sạn; Quản trị doanh nghiệp; Quản trị Marketing.
- Nhóm 2: Ngành gần, có bằng tốt nghiệp đại học ngành: chuyên ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành Luật kinh tế.
- Nhóm 3: Ngành khác, có bằng tốt nghiệp ngành không thuộc hai nhóm ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần ở trên.

Nhà trường sẽ căn cứ vào các học phần trong bảng điểm của người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh để yêu cầu người học đó bổ sung các môn học cần thiết khác.

Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
1	073956	Marketing căn bản	02
2	073957	Quản trị nguồn nhân lực	02
3	073958	Quản trị bán hàng	02
4	073960	Kinh tế vi mô	02

5	073959	Kinh tế vĩ mô	02
6	073955	Quản trị học	02

3. Điều kiện bảo vệ luận văn:

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10)
- Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định, tối thiểu TOEIC 450 hoặc tương đương;
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn làm luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4. Các điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, những học viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo quy định
- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.
- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo theo quy định

5. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, được làm tròn đến một chữ số thập phân, theo học chế tín chỉ.
- Thang điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 10): Giỏi

B (7,0 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,9): Trung bình

D (4,0 -5,4): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F (dưới 4,0): Kém

- Cách tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):
 - A tương đương với 4
 - B tương đương với 3
 - C tương đương với 2
 - D tương đương với 1
 - F tương đương với 0

II. XÁC ĐỊNH NĂNG LỰC CẦN ĐẠT CỦA HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP, MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Xác định các năng lực cần đạt của học viên tốt nghiệp (Graduate Attributes - GAs)

- **GA1.** Năng lực chuyên sâu và liên ngành về chiến lược, quản lý và lãnh đạo đối với tổ chức, doanh nghiệp.
- **GA2.** Năng lực quản trị, điều hành các hoạt động xây dựng kế hoạch và triển khai để đạt mục tiêu của tổ chức, doanh nghiệp trong các mảng tổ chức, nhân sự, tài chính, cung ứng, sản xuất, dịch vụ, phân phối, nghiên cứu, đầu tư, thực hiện dự án trong môi trường toàn cầu hóa và luôn thay đổi.
- **GA3.** Áp dụng các phương pháp khoa học và công cụ hiện đại để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý, điều hành doanh nghiệp và các tổ chức phi lợi nhuận, các tổ chức công. Năng lực nghiên cứu độc lập theo định hướng ứng dụng và hàn lâm các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành tổ chức, doanh nghiệp.
- **GA4.** Năng lực xử lý thông tin, dẫn dắt, truyền đạt, thảo luận, đàm phán, tạo sự tin cậy với cá nhân và tổ chức; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng và tuân thủ pháp luật.
- **GA5.** Năng lực thích nghi, phát triển bản thân và luôn tiếp tục học tập nâng cao.

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Programe Educational Objectives – PEOs)

- **PEO1:** Đảm bảo các mục tiêu của CTĐT và năng lực của sinh viên tốt nghiệp tương thích khung trình độ quốc gia
- **PEO2:** Cung cấp cho các thị trường lao động có trình độ cao trong nước và quốc tế, các sinh viên được chứng nhận chất lượng để làm việc trong các lĩnh vực kinh doanh, quản lý và nghiên cứu. Cả trong khu vực tư nhân, công cộng và phi lợi nhuận.
- **PEO3:** Tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp có được kiến thức và hiểu biết mới nhất về lý thuyết và thực tiễn trong các lĩnh vực tiếp thị, tài chính, nhân sự, hệ thống thông tin, hoạt động và quản lý dịch vụ (sản xuất) trong tổ chức, doanh nghiệp.
- **PEO4:** Tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp áp dụng kiến thức, khả năng lãnh đạo, sáng tạo, phương pháp luận khoa học và kỹ năng thực hành vào các tình huống kinh doanh thông thường và bất ngờ, một cách hợp pháp, đạo đức và có trách nhiệm.

• **Chương trình Đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được thiết kế theo trình tự các bước và nội dung như sau:**

1. Tổ Soạn thảo và Cập nhật chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD được thành lập theo quyết định của Trường để thực hiện việc rà soát và soạn thảo cập nhật chương trình
2. Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề quản trị gồm năng lực chung của nhà quản trị và năng lực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trong môi trường hội nhập quốc tế và thời đại công nghiệp 4.0;
3. So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7).
4. Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các Nhà quản trị, người lãnh nghề, nhà nghiên cứu (viện, trường), các học viên tốt nghiệp Thạc sĩ QTKD của trường về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp.
5. Xây dựng Mục tiêu Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
6. Xây dựng Chuẩn Đầu ra/ Kết quả học tập mong đợi của Chương trình đào tạo;
7. Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình
8. Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cân đối giữa 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức chuyên ngành (cơ sở ngành) và Khối kiến thức của chuyên sâu (chuyên ngành); Số lượng tín chỉ tuân thủ theo Thông tư của Bộ GD&ĐT và Khung trình độ Quốc gia.
9. Xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế cùng trình độ, cùng chuẩn chất lượng theo ngành Quản trị kinh doanh và liên ngành để hoàn thiện chương trình đào tạo.
10. Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.
11. Thiết kế lộ trình học tập có tính kết nối hệ thống giữa các môn học lý thuyết, môn học thực hành trong trường và môn học thực hành ngoài trường nhằm giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra.
12. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan, báo cáo để Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa thẩm định. Báo cáo nhà Trường để tiến hành thủ tục thẩm định chính thức, có hiệu lực và ban hành áp dụng.

• **Nguyên tắc tổ chức các môn học, cách thức tích hợp kỹ năng, cấu trúc các nhóm học phần:**

13. Thiết kế đề cương chi tiết các môn học theo trình tự: Xây dựng chuẩn đầu ra, phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung giảng dạy.

14. Trước khi xây dựng đề cương, một số các môn học được Khoa/Bộ môn giao nhiệm vụ vừa giảng dạy kiến thức, kỹ năng và thái độ của môn học; vừa giảng dạy thêm các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho học viên;

2. **Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực của người học sau khi tốt nghiệp**

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1	Triết học (3 tín chỉ)	4	12	20%
	Tiếng Anh (3 tín chỉ)			
	Lãnh đạo (3 tín chỉ)			
	Đạo đức và Văn hóa (3 tín chỉ)			
GA2	Quản trị Vận hành (2 tín chỉ)	7	15	23-25%
	Quản trị Chiến lược (2 tín chỉ)			
	Quản trị Marketing (2 tín chỉ)			
	Quản trị Nguồn nhân lực (2 tín chỉ)			
	Quản trị Tài chính (3 tín chỉ)			
	Quản trị các tổ chức công (2 tín chỉ)*			
	Quản trị Chuỗi cung ứng (2 tín chỉ)*			
	Kinh tế Quốc tế (2 tín chỉ) *			
GA3	Phương pháp nghiên cứu khoa học (3 tín chỉ)	14+ Luận văn	26/38	20-40%
	Thiết kế Nghiên cứu (2 tín chỉ) **			
	Phương pháp nghiên cứu định lượng (2 tín chỉ) **			
	Chuyên đề (2 tín chỉ) **			
	Kinh doanh số (3 tín chỉ)			
	Thẩm định dự án đầu tư (2 tín chỉ)*			
	Luận văn (12 tín chỉ) hoặc 24 (tín chỉ)			
GA4	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2 tín chỉ) *	5	11	8-20%
	Quản trị quan hệ khách hàng – CRM (2 tín chỉ) *			
	Quản trị đàm phán (3 tín chỉ)			
	Quản lý hệ thống Thông tin (2 tín chỉ)			
	Truyền thông Marketing tích hợp (2 tín chỉ) *			
GA5	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (2 tín chỉ)	3	8	15%
	Sáng tạo và khởi nghiệp (3 tín chỉ)			
	Quản trị rủi ro và sự thay đổi (3 tín chỉ)			

3. **Tóm tắt các khối lượng kiến thức**

Kiến thức toàn khóa học:

Trong đó:

3.1. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

- Kiến thức đại cương: : 06 tín chỉ Tỷ lệ: 10%
- Kiến thức chuyên nghiệp: : 54 tín chỉ Tỷ lệ: 90%
- + Kiến thức cơ sở ngành : 14 tín chỉ Tỷ lệ: 23.3%
- + Kiến thức chuyên ngành : 16 tín chỉ Tỷ lệ: 26.7%
- + Luận văn : 24 tín chỉ Tỷ lệ: 40%

3.2. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

- Kiến thức đại cương: : 06 tín chỉ Tỷ lệ: 10%
- Kiến thức chuyên nghiệp: : 54 tín chỉ Tỷ lệ: 90%
- + Kiến thức cơ sở ngành : 14 tín chỉ Tỷ lệ: 23.3%
- + Kiến thức chuyên ngành : 28 tín chỉ Tỷ lệ: 46.7%
- + Luận văn : 12 tín chỉ Tỷ lệ: 20%

4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
1.	073318	Triết học	3	45	0		
2.	076180	Tiếng Anh	3	30	15		
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
II.1	Kiến thức cơ sở ngành						
		Bắt buộc:					
3.	076183	Quản trị Vận hành	2	30	0		
4.	076185	Quản trị Chiến lược	2	30	0		
5.	076182	Quản trị Marketing	2	30	0		
6.	076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	30	0		
7.	076181	Đạo đức và Văn hóa	3	45	0		
8.	073925	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	3	30	30		
II.2	Kiến thức chuyên ngành						
	2.1. Định hướng nghiên cứu						
		Bắt buộc:					

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN	SỐ TIẾT		Môn học	Hình
9.	076246	Thiết kế Nghiên cứu	2	30	0		
10.	076247 97	Phân tích định lượng	2	30	0		
11.	076248	Chuyên đề	2	30	0		
2.2. Định hướng ứng dụng							
Bắt buộc:							
12.	076190	Sáng tạo và khởi nghiệp	3	45	0		
13.	076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	3	45	0		
14.	076184	Quản trị Tài chính	3	45	0		
15.	076192	Kinh doanh số	3	45	0		
16.	076186	Lãnh đạo	3	45	0		
17.	076193	Quản trị đàm phán	3	45	0		
2.3. Học phần tự chọn chương trình định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng							
Tự chọn:							
18.	076194	Thẩm định dự án đầu tư công	2	30	0		
19.	076250	Quản trị các tổ chức công	2	30	0		
20.	076249	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại.	2	30	0		
21.	076188	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0		
22.	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	2	30	0		
23.	076189	Kinh tế Quốc tế	2	30	0		
24.	073935	Quản trị quan hệ khách hàng	2	15	30		
25.	073931	Quản trị chuỗi cung ứng	2	15	30		
26.	073944	Truyền thông Marketing tích hợp	2	15	30		
III TỐT NGHIỆP							
3.1. Định hướng nghiên cứu							
27	076251	Luận văn	24		360		
3.2. Định hướng ứng dụng							
28	076195	Luận văn	12		180		

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

Định hướng ứng dụng:

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1				
Các học phần bắt buộc			15	
1	073318	Triết học Mác - Lênin (<i>Philosophy</i>)	3	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
2	076180	Tiếng Anh (<i>Business English</i>)	X 3	
3	076181	Đạo đức và văn hóa	X 3	
4	076182	Quản trị Marketing	X 2	
5	076196	Quản trị nguồn nhân lực	X 2	
6	076183	Quản trị vận hành	X 2	
HỌC KỲ 2				
Các học phần bắt buộc			11	
1	073925	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X 3	
2	076184	Quản trị tài chính	X 3	
3	076185	Quản trị chiến lược	X 2	
4	076186	Lãnh đạo	X 3	
Các học phần tự chọn			6	
1	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề *	X 2	
2	076188	Hệ thống thông tin quản lý *	X 2	
3	073931	Quản trị chuỗi cung ứng	X 2	
4	076250	Quản trị các tổ chức công	X 2	
HỌC KỲ 3				
Các học phần bắt buộc			12	
1	076190	Sáng tạo và khởi nghiệp	X 3	
2	076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	X 3	
3	076192	Kinh doanh số	X 3	
4	076193	Quản trị đàm phán	X 3	
Các học phần tự chọn			4	
1	073944	Truyền thông marketing tích hợp	X 2	
2	073935	Quản trị quan hệ khách hàng - CRM	X 2	
3	076194	Thẩm định dự án đầu tư công	X 2	
4	076249	Nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại	X 2	
5	076189	Kinh tế quốc tế	/ 2	
HỌC KỲ 4				
6	076195	Luận văn	/ 12	

Định hướng nghiên cứu

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1				
Các học phần bắt buộc			15	
1	073318	Triết học Mác - Lênin (<i>Philosophy</i>) ✕	3	
2	076180	Tiếng Anh (<i>Business English</i>) ✕	3	
3	076181	Đạo đức và văn hóa ✕	3	
4	076182	Quản trị Marketing ✕	2	
5	076196	Quản trị nguồn nhân lực ✕	2	
6	076183	Quản trị vận hành ✕	2	
HỌC KỲ 2				
Các học phần bắt buộc			7	
1	073925	Phương pháp nghiên cứu khoa học ✕	3	
2	076246	Thiết kế nghiên cứu	2	
3	076185	Quản trị chiến lược ✕	2	
Các học phần tự chọn			4	
1	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề * ✕	2	
2	076188	Hệ thống thông tin quản lý * ✕	2	
3	073931	Quản trị chuỗi cung ứng ✕	2	
4	076250	Quản trị các tổ chức công	2	
HỌC KỲ 3				
Các học phần bắt buộc			4	
1	076247	Phân tích định lượng	2	
2	076248	Chuyên đề	2	
Các học phần tự chọn			6	
1	073944	Truyền thông marketing tích hợp ✕	2	
2	073935	Quản trị quan hệ khách hàng - CRM ✕	2	
3	076194	Thẩm định dự án đầu tư công ✕	2	
4	076249	Nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại ✕	2	
5	076189	Kinh tế quốc tế	2	
HỌC KỲ 4				
6	076251	Luận văn	24	

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/ học phần vào Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng không liên quan đến Chuẩn đầu ra.

S (Support): Có đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn dạy kiến thức/kỹ năng làm cơ sở cho việc đạt được Chuẩn đầu ra.

H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy kiến thức/kỹ năng thực hành các yêu cầu của Chuẩn đầu ra ở mức cơ bản hay nâng cao.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra								Tổng
				Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ		
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	
1.	073318	Triết học	3	S	N	N	S	S	N	S	S	5
2.	076180	Tiếng Anh	3	H	H	N	H	H	S	S	S	7
3.	076186	Lãnh đạo	3	H	S	N	H	N	H	S	S	6
4.	076181	Đạo đức và văn hóa	3	H	H	N	S	N	N	H	H	5
5.	073925	Phương pháp NCKH	3	H	H	S	H	S	S	H	H	8
6.	076246	Thiết kế nghiên cứu	2	H	H	S	H	S	S	H	H	8
7.	076247	Phân tích Định lượng	2	H	H	S	H	S	S	H	H	8
8.	076185	Quản trị chiến lược	2	H	H	H	S	S	S	H	S	8
9.	076182	Quản trị marketing	2	S	H	H	S	S	S	S	S	8
10.	076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	H	S	N	H	S	H	S	S	7
11.	076183	Quản trị vận hành	2	S	H	H	H	S	S	S	S	8

12.	076190	Sáng tạo và khởi nghiệp	3	S	N	H	S	N	H	H	H	6
13.	076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	3	H	S	H	H	S	S	H	S	8
14.	073931	Quản trị chuỗi cung ứng	2	S	H	H	N	N	S	N	N	4
15.	076193	Quản trị đàm phán	3	N	N	N	H	N	N	S	N	2
16.	076184	Quản trị tài chính	3	H	S	H	H	S	H	S	H	8
17.	076194	Thẩm định dự án đầu tư công	2	H	S	N	H	N	H	S	S	6
18.	076249	Nhà nước và Pháp luật Việt nam đương đại	2	S	S	N	N	S	N	N	N	3
19.	076250	Quản trị các tổ chức công	2	H	S	H	S	H	S	N	H	7
20.	073935	Quản trị quan hệ khách hàng	2	S	H	H	N	N	S	N	N	4
21.	076189	Kinh tế quốc tế	2	H	S	S	S	S	N	S	N	6
22.	076192	Kinh doanh số	3	S	S	S	N	S	S	N	N	5
23.	076188	Hệ thống thông tin quản lý	2	N	N	H	N	S	H	N	N	3
24.	073944	Truyền thông Marketing tích hợp	2	H	S	H	H	S	H	S	H	8
25.	076248	Chuyên đề*	2	H	H	S	H	S	S	H	H	8
26.	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	2	H	S	S	H	S	S	S	H	8
27.	076195	Luận văn tốt nghiệp (định hướng ứng dụng)	12	H	H	H	H	H	H	H	H	8
28.	076251	Luận văn tốt nghiệp (định hướng nghiên cứu)	24	H	H	H	H	H	H	H	H	8
Tổng				26	24	20	23	21	23	22	21	180
				14.44	13.33	11.11	12.78	11.67	12.78	12.22	11.67	100
				%	%	%	%	%	%	%	%	%

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

(1) Triết học Mác – Lê nin: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc bao gồm vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử; các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

(2) Tiếng Anh: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế cung cấp cho học viên những kiến thức tiếng Anh ở mức độ nâng cao về chuyên ngành kinh tế, giúp học viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống đọc, viết và trình bày các chủ đề kinh doanh.

(3) Quản trị vận hành: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cần thiết trong việc vận hành một doanh nghiệp, tổ chức là như thế nào. Các hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất cũng như sản phẩm dịch vụ, bao gồm: tổng quát về việc vận hành doanh nghiệp, tổ chức sản xuất ra sao, bố trí sản xuất như thế nào, chiến lược sản xuất, làm cách nào để hoạch định tổng hợp, quản trị tồn kho, điều độ tác nghiệp nhằm đưa ra các quyết định quản trị đúng đắn, hợp lý trong quá trình vận hành của một tổ chức. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên kiến thức về quản lý chất lượng trong một đơn vị sản xuất hay dịch vụ như: quản lý chất lượng theo TQM, các công cụ quản lý chất lượng 5S, JIT, TPM... để quản lý và cải tiến chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn nhằm bắt nhịp với sự phát triển kinh tế xã hội.

(4) Quản trị chiến lược: 2 tín chỉ

Nội dung: Quản trị chiến lược xem xét và phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, ứng dụng nguyên lý và chức năng quản trị vào chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh thay đổi chiến lược doanh nghiệp phù hợp dưới những điều kiện môi trường, xu hướng phát triển thị trường và nguồn lực của doanh nghiệp).

(5) Quản trị marketing: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những vấn đề chính của thương hiệu và quản trị thương hiệu. Dựa trên kiến thức được trang bị sinh viên sẽ vận dụng vào thực tế nhằm phân tích và đề xuất chiến lược quản trị thương hiệu cho một thương hiệu cụ thể trên thị trường.

(6) Quản trị nguồn nhân lực: 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về thu hút, phát triển và duy trì nhân sự trong doanh nghiệp. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được những quan điểm và xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực, hiểu được các chức năng quản trị nguồn nhân lực, làm quen với các công cụ quản trị nguồn nhân lực, phát triển các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong thực tế sau này.

(7) Phương pháp nghiên cứu khoa học: 03 tín chỉ

Nội dung: Môn học bao gồm 9 chương trình bày các kiến thức của phương pháp nghiên cứu khoa học và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu; khảo sát và thu thập thông tin; xử lý dữ liệu bằng các phần mềm thống kê, viết báo cáo nghiên cứu và phân tích tổng hợp thông tin để đề xuất giải pháp cần nghiên cứu. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm

(8) Sáng tạo và Khởi nghiệp: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học giới thiệu về tinh thần khởi nghiệp sáng tạo và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cùng với các kỹ năng cần thiết giúp sinh viên phát huy khả năng sáng tạo, nhận dạng cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, đánh giá ý tưởng; thiết kế mô hình kinh doanh, xây dựng kế hoạch kinh doanh; tìm kiếm nguồn lực triển khai thực hiện và thành lập doanh nghiệp.

Kết thúc môn học, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để xây dựng được một bản kế hoạch khởi nghiệp cơ bản để hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh của mình hoặc của nhóm khởi nghiệp.

(9) Quản trị rủi ro và sự thay đổi: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro và khủng hoảng, quản trị rủi ro chiến lược, môi trường văn hóa và những rủi ro, môi trường luật pháp - chính trị - kinh tế và các rủi ro, các rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu, các công cụ để đánh giá khả năng quản trị khủng hoảng, và những công việc cần làm trước, trong và sau khủng hoảng.

(10) Quản trị tài chính: 2 tín chỉ

Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan và chuyên sâu về quản trị tài chính, các vấn đề cụ thể về: phân tích tình hình tài chính, lập kế hoạch tài chính, quản trị vốn lưu động, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, định giá doanh nghiệp, định giá chứng khoán trong doanh nghiệp.

(11) Lãnh đạo: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật lãnh đạo như: bản chất của lãnh đạo, quyền lực và sự ảnh hưởng, hiệu quả của quyền lực và các chiến lược ảnh hưởng, phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo, bản chất của công việc và vai trò của người lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, lãnh đạo theo tình huống, lãnh đạo mới về chất, lãnh đạo ra quyết định nhóm.

(12) Quản trị Đàm phán: 3 tín chỉ

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung và thực hành kỹ năng đàm phán cơ bản để sinh viên có khả năng thương lượng trong xử lý các xung đột tại nơi làm việc và đàm phán hiệu quả hơn trong môi trường kinh doanh.

(13) Truyền thông Marketing tích hợp: 2 tín chỉ

Nội dung: môn học Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị truyền thông tích hợp như: tổng quan quản trị truyền thông tích hợp, quá trình truyền thông tích hợp, quá trình ra quyết định tiêu dùng, phân khúc thị trường và định vị, thiết các mục tiêu chiêu thị và ngân sách chiêu thị, chào bán hàng trực tiếp, phát triển chiến lược bán hàng, thực hiện chiến lược bán hàng, quản trị khuyến mãi, khuyến mãi đối với người tiêu dùng, khuyến mãi đối với người trung gian và nhân viên bán hàng, giao tế, đánh giá và điều khiển chương trình, khía cạnh xã hội của truyền thông tích hợp.

(14) Quản trị chuỗi cung ứng: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát về chuỗi cung ứng.

(15) Thẩm định dự án đầu tư công: 2 tín chỉ

Môn học giới thiệu tổng quan về quá trình hình thành và phát triển ý tưởng dự án để đưa vào vận hành khai thác. Trọng tâm cung cấp kiến thức kỹ năng cho học viên đề xuất chủ trương, thẩm định chủ trương đầu tư, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thẩm định dự án. Trọng tâm là phân tích tài chính dự án theo quan điểm tổng đầu tư và chủ sở hữu.

(16) Kinh tế quốc tế: 2 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về đầu tư quốc tế như: Khái niệm và nguyên nhân của hoạt động đầu tư quốc tế; các hình thức của đầu tư quốc tế; Các định chế quốc tế ảnh hưởng đến môi trường đầu tư quốc tế của Việt Nam; Các hoạt động liên quan đến đầu tư quốc tế: Viện trợ phát triển chính thức, đầu thầu, chuyển giao giá, chuyển giao công nghệ. Quy trình thực hiện đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

(17) Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề: 2 tín chỉ

Nội dung: rèn luyện cho học viên tư duy tích cực, năng động trong học tập, công việc, trao đổi thảo luận, tư duy phản biện. Đồng thời nâng cao tính nghiêm túc, trung thực trong nghiên cứu; sáng tạo vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề; tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức cần thiết trong các tổ chức.

(18) Kinh doanh số: 3 tín chỉ

Nội dung: học phần giới thiệu tổng quan về truyền thông đa phương tiện, các kỹ thuật Audio và Video, các chuẩn nén dữ liệu về multimedia: âm thanh, hình ảnh và video, đảm bảo chất lượng (QoS) giao tiếp đa phương tiện trong kinh doanh, ứng dụng truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội.

(19) Đạo đức và văn hóa: 3 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho học viên những kiến thức về hành vi đạo đức, các yếu tố quan trọng hình thành hành vi đạo đức, các khía cạnh ảnh hưởng đến hành vi đạo đức và vi phạm đạo đức. Các kỹ năng xử lý công bằng và phù hợp đạo đức cả trong học tập và công việc. Đảm bảo khả năng thích nghi với môi trường xã hội và phù hợp với luật pháp Việt

Nam. Đồng thời trau dồi cho học viên các kiến thức hữu ích về sự khác biệt trong văn hóa để tạo nền tảng cho sự giao tiếp tốt trong bối cảnh hiện đại.

(20) Quản trị Quan hệ Khách hàng: 2 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Đặc biệt môn học cách nhìn mới về mối quan hệ giữa Quản trị quan hệ khách hàng với Bán hàng và Marketing. Ngoài ra, môn học trau dồi cho học viên về tổ chức thực hiện hoạt động CRM trong doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

(21) Thiết kế nghiên cứu: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học giúp học nắm được phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu; khảo sát và thu thập thông tin; xử lý dữ liệu bằng các phần mềm thống kê, viết đề cương, viết báo cáo nghiên cứu. Bên cạnh đó, môn học tích hợp cấp cho các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như giao tiếp, khảo sát, làm việc nhóm.

(22) Phân tích định lượng: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học trang bị nghiên cứu sinh kiến thức phân tích định lượng nâng cao trong kiểm định lý thuyết khoa học, ứng dụng phương pháp thống kê trong nghiên cứu kinh doanh (business management). Nội dung bao gồm kiểm định lý thuyết, xác suất, lấy mẫu, lập dự toán, và kiểm định giả thuyết dựa trên phương pháp phân tích hồi quy đơn và bội. Môn học giúp học viên khái quát được và ứng dụng phương pháp định lượng nâng cao để kiểm định giả thuyết thông qua việc dùng các công cụ toán học cần thiết..

(23) Chuyên đề: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học này cung cấp cho học viên phương pháp thực hiện một chuyên đề trong một dự án hay đề tài nghiên cứu. Cụ thể học viên thực hiện được các nội dung về tổng quan lý thuyết nền, từ đó tổng hợp các nghiên cứu trước đây và đến hiện tại theo dòng lý thuyết này; theo đó xây dựng mô hình nghiên cứu đề xuất, giả thuyết nghiên cứu và hiệu chỉnh thang đo nghiên cứu phù hợp với bối cảnh tiếp cận hướng nghiên cứu của học viên. Học viên có thể chọn một trong hai phương pháp nghiên cứu suy diễn hoặc quy nạp. Đồng thời nắm được phương pháp trong việc phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề và thu thập số liệu.

(24) Nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về quá trình hình thành và hoàn thiện bộ máy Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam hiện đại. Đặc biệt học viên nắm được những thành quả cũng như xác định những mục tiêu mang tính chiến lược cho việc tiếp tục hoàn thiện bộ máy Nhà nước theo định hướng kiến tạo phát triển và tư duy cách mạng trong hệ thống pháp luật Việt nam trong giai đoạn mới.

(25) Quản trị các tổ chức công: 2 tín chỉ

Nội dung: môn học Quản lý công nhằm trang bị cho học viên những kiến thức về kinh tế học thuộc khu vực công cộng. Đặc biệt, môn học giúp học viên có kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề cơ bản về tính hiệu quả của việc điều hành trực tiếp của Nhà nước; cũng như các cơ chế, chính sách tài chính đặc biệt mà Nhà nước có thể điều tiết nhằm

bảo đảm hiệu quả xã hội trong việc hoàn thiện hệ thống luật pháp, các chính sách xã hội, chính sách kinh tế, sản xuất hàng hóa, dịch vụ công cộng. Môn học còn cấp cho học viên kiến thức về sự Lựa chọn công cộng, cũng như các giải pháp mang lại lợi ích chung của cộng đồng.

(26) Hệ thống thông tin quản lý: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên cao học những kiến thức chung và nâng cao về công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL) trong tổ chức và doanh nghiệp. Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình phân tích và thiết kế hệ thống, quản lý hệ thống thông tin, kiến thức về chính phủ điện tử và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số. Ngoài ra, môn học cũng phân tích về phương pháp đánh giá, phát triển hệ thống thông tin và một số vấn đề quản trị hệ thống thông tin trong giai đoạn của cuộc cách mạng số và nền kinh tế tri thức

(27) Luận văn

Luận văn tốt nghiệp theo định hướng nghiên cứu: 24 tín chỉ

Nội dung: Học viên được yêu cầu thực hiện một đề tài bằng cách áp dụng các phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (định tính và định lượng) để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã được xác định trước với các nội dung cụ thể như: mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, tổng kết lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, phân tích kết quả nghiên cứu và hàm ý chính sách, tài liệu tham khảo.

Luận văn tốt nghiệp theo định hướng ứng dụng: 12 tín chỉ

Nội dung: Học viên được yêu cầu thực hiện một đề tài bằng cách áp dụng các phương pháp nghiên cứu (định tính hoặc định lượng) để giải quyết vấn đề thực tế đang diễn ra tại doanh nghiệp đã được xác định từ trước với nội dung cụ thể: chuẩn đoán và xác định các vấn đề cốt lõi, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, lý thuyết liên quan đến đề tài, phương pháp nghiên cứu, nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề thực trạng của doanh nghiệp từ đó đề xuất hàm ý giải pháp, tài liệu tham khảo.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH RMIT Việt nam (coursework)	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP. HCM (UEF)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 tín chỉ	72-96 tín chỉ	65 tín chỉ	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	22 môn/22 tín chỉ	12 /72 tín chỉ	23 môn/ 72 tín chỉ	
- Học phần kiến thức chung	2 môn/6 tín chỉ	4 môn Bổ sung/12 tín chỉ	0 môn/0 tín chỉ	
- Học phần cơ sở ngành	7 môn/23 tín chỉ	8 môn/ 48 tín chỉ	4 môn/ 12 tín chỉ	
- Học phần chuyên ngành	9 môn/24 tín chỉ	4 môn/ 24 tín chỉ	19 môn/60 tín chỉ	
- Học phần tốt nghiệp	Luận văn /7 tín chỉ	(hoặc) Thực tập	Luận văn/10 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Quản trị kinh doanh; Quản lý công.	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh; Quản trị Marketing, Quản trị Thương hiệu	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Dạy bằng tiếng Việt với giáo trình song ngữ. Phương pháp giảng dạy chủ động (<i>Active Teaching</i>) hướng tới việc hoạt động hóa, chủ động hóa hoạt động nhận thức của người học, tập trung vào phát huy tính chủ động của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính chủ động của người dạy.	Dạy bằng tiếng Anh. Giảng dạy, dẫn dắt và truyền đạt kinh nghiệm. Các khóa học kết hợp với những dự án thực tế cấp kinh nghiệm và thực tiễn cho công việc của HV. Kỹ năng làm dự án làm việc nhóm sẽ giúp HV mở rộng tư duy và trải nghiệm sự chuyên môn khác biệt.	Dạy bằng tiếng Việt Phương pháp giảng dạy rèn luyện HV khả năng tự học. Người thầy là người hướng dẫn cho người học đi tìm tri thức. Lớp học là môi trường giao tiếp giảng viên - học viên, học viên - học viên, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên để chiếm lĩnh kiến thức.	

Học phí	Khoảng 70 triệu đồng/ khóa học	khoảng 25.000 USD (600 triệu)/ khóa học	khoảng hơn 50 triệu đồng/khóa học	
Các đối sánh khác (nếu có)				

Ghi chú: *Đối sánh chương trình đào tạo tối thiểu của 02 trường trong nước và 02 trường quốc tế
 Các trường đối sánh nên phù hợp với các bộ tiêu chuẩn của ngành/khoa mong muốn đánh giá ngoài.*

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy:

- a. Giảng viên Giảng viên khách mời giảng dạy chương trình MBA của Trường NTTU dày dặn kinh nghiệm, đều là các Tiến sĩ, Phó giáo sư và Giáo sư làm việc và giảng dạy trong các trường Đại học trong và ngoài nước, có kinh nghiệm trong khối Nhà nước và doanh nghiệp, các công ty toàn cầu.
 - b. Chương trình dạy bằng tiếng Việt với giáo trình song ngữ. Phương pháp giảng dạy chủ động (Active Teaching) hướng tới việc hoạt động hóa, chủ động hóa hoạt động nhận thức của người học, tập trung vào phát huy tính chủ động của người học
 - c. Các bài giảng sẽ được kết hợp với những trường hợp thực tế sẽ mang lại những phân tích quý báu cho thực tiễn công việc hiện nay và tương lai của học viên. Ngoài ra, trao đổi Nhóm, các buổi trình bày thảo luận sẽ giúp học viên nâng cao tư duy phân biện và sức sáng tạo, phát triển góc nhìn đa văn hóa cho thời kỳ hội nhập và thời đại công nghiệp 4.0.
 - d. Học viên có thể chọn các môn học theo định hướng, được hướng dẫn nhiều giờ tự học cũng như làm bài tập thuận tiện cho việc chủ động thời gian.
2. Luận văn tốt nghiệp: Học viên sẽ được cố vấn, hướng dẫn của Giảng viên và Khoa QTKD sẽ chọn định hướng Nghiên cứu (Làm Luận văn tốt nghiệp) hoặc Ứng dụng (Làm Đồ án tốt nghiệp).
3. Hình thức kiểm tra, đánh giá học phần: Kết hợp tiểu kết thúc học phần hoặc thi hết môn học.

KT. HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Ái Lâm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Xuân Như

